TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 20- 01 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:** Ông Kiều Văn Thành.

***- Các hội thẩm nhân dân*:**

1- Ông Sỹ Danh Huệ – Hội cựu chiến binh huyện Quốc Oai.

2- Ông Tạ Văn Thắng - Bí thư Chi bộ các khối Doanh nghiệp.

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Ông Đàm Văn Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội xét xử trực tuyến công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Tiến N, sinh ngày 15/03/ 1998; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Con ông: Nguyễn Tiến N, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Thị N,sinh năm 1979; Vợ: Hoàng Thị Hồng K, sinh năm 2000; Con: Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; Danh chỉ bản số: 326 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 24/ 10/2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Quốc Oai đến nay có mặt tại phiên tòa.

2- **Nguyễn Phú Đ**, sinh ngày 04/05/ 1998;Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Phú L, sinh năm 1976; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; Con: Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023. Danh chỉ bản số: 327 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 24/ 10/2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, số giam: 6153c2 buồng 20 đến nay Có mặt tại phiên tòa.

3-**Lý Thị T**, sinh ngày 20/11/2005; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm Máy 2, xã Hòa Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; Con bà: Lý Thị H, sinh năm 1984; Chồng, con: Chưa có; Danh chỉ bản số: 329 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 24/10/2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; số giam: 5560 buồng M1 đến nay có mặt tại phiên tòa.

4- Lò Thị T1, sinh ngày 13/ 08/ 1998; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện P, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái;Tôn giáo: Không; Con ông: Lò Văn T, sinh năm 1972; Con bà: Lò Thị X, sinh năm 1976; Chồng: Vũ Thọ C, sinh năm 1993; Con: Có 01 con sinh năm 2020; Danh chỉ bản số: 328 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 24/ 10/2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 16/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; số giam 5561 buồng M2 – Đến nay có mặt tại phiên tòa**.**

-Người bào chữa cho bị cáo:

1- Ông Nguyễn Tất D - Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội, chi nhánh số 9 - Bào chữa cho bị cáo Lò Thị T1- Có mặt.

2-Ông Phan Thanh B - Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội, chi nhánh số 9- Bào chữa cho bị cáo Lý Thị T- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/10/2023, Nguyễn Phú Đ đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Nguyễn Tiến N rủ đi uống rượu tại xã S đến khoảng 04 giờ sáng ngày 16/10/2023, Đ và Nam đến nhà nghỉ A tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q để thuê phòng nghỉ. Trên đường đi, Nam hỏi Đ " Bạn có sắp xếp được chỗ nào chơi không ?" (*do trước đó, Đ và Nam đã từng sử dụng trái phép chất ma túy nên Đ hiểu Nam bảo Đ mua ma túy tổng hợp để cùng sử dụng*). Đ nói " Lấy bao nhiêu, nửa chỉ hay cả chỉ ". Nam nói " Lấy nửa chỉ thôi ". Sau đó, Đ liên lạc qua ứng dụng Messenger với Lý Thị T rủ T đến nhà nghỉ AS1 để sử dụng ma túy, đồng thời bảo T rủ thêm Lò Thị T1 sử dụng ma túy. Cùng thời điểm đó, Đ nhắn tin bảo T mua " nửa chỉ " ma túy Ketamine đến để sử dụng. T đồng ý và nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho một đối tượng tên T2, trú tại Tòa G, khu đô thị V ở phường T, quận N, thành phố Hà Nội, hỏi mua "nửa chỉ ke", T2 báo giá 1.700.000 đồng. T báo giá tiền mua ma túy cho Đ, đồng thời bảo T2 gửi số tài

khoản ngân hàng của T2. T2 nhắn số tài khoản " 9349851xxx Vcb phung huu n ". T chuyển lại tin nhắn số tài khoản trên cho Đ để Đ chuyển tiền. Đ nói với N chuyển 1.700.000 đồng vào tài khoản 820001xxx của T2. Sau khi nhận tiền, T2 bảo T đến sảnh Tòa nhà G, khu đô thị V ở phường T, quận N để giao ma túy. Lúc này, Lò Thị T1 đang nằm ngủ tại phòng trọ thì T rủ T1 đi sử dụng ma túy cùng Đ. T1 đồng ý. Sau đó, T cùng T1 đi taxi đến khu vực tòa G khu đô thị V gặp T2 để lấy ma túy. *(T1 biết T đi lấy ma túy vì trước khi bị bắt khoảng một tháng, T1 đã đi cùng T đến khu đô thị V để mua ma túy của T2*). Khi đến nơi, T1 ngồi trên xe taxi chờ, còn T đi bộ vào sảnh tòa nhà G nhưng bảo vệ tòa nhà không cho vào. T nhắn tin cho T2 biết, T2 hẹn T ra cổng chào Khu đô thị N, đường L thuộc xã A, huyện H, thành phố Hà Nội để lấy ma túy nên T và T1 di chuyển tiếp. Khi đến nơi, T xuống xe taxi đi bộ đến khu vực cổng chào Khu đô thị N, cạnh biển báo gặp T2. T2 chỉ vị trí để ma túy tại chân cột biển báo, T cầm ma túy và cất giấu tại túi quần trước bên trái T đang mặc, rồi lên xe taxi, lúc này T1 biết T đã mua được ma túy. T1 và T tiếp tục đi taxi đến Nhà nghỉ A thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Q, còn T2 đi đâu không rõ.T nhắn tin cho Đ biết đã lấy được ma túy. Đ bảo T lên thị trấn Q để sử dụng ma túy nên T và T1 đón Đ, Nam. Khoảng 05 giờ cùng ngày, cả bốn người đi đến Nhà nghỉ B địa chỉ tổ dân phố D, thị trấn Q, Đ làm thủ tục thuê phòng 402 và 202 của nhà nghỉ, sau đó cả bốn người đi lên phòng 402 để sử dụng ma túy.

Tại phòng nghỉ 402, T lấy túi ma túy từ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc ra đưa cho Đ xem, Đ cầm túi ma túy để lên giường. Đ hỏi Nam " Bạn có tờ tiền lẻ nào không đưa cho T để xào ke ". Nam lấy 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng đưa cho T,T cầm túi ma túy đổ một phần ma túy ra tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và để phần còn lại của túi ma túy trên mặt bàn dưới ti vi. Tiếp đó, T lấy bật lửa hơ nóng tờ tiền bên trên có ma túy, sau đó gập đôi tờ tiền chứa ma túy, dùng đáy bật lửa để nghiền mịn ma túy. T " xào ke " xong thì để tờ tiền chứa ma túy trên mặt bàn. Lúc này, Đ nói " Ai còn tờ tiền lẻ nào không để cuốn tẩu? ". T1 đưa cho Đ tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để cuốn tẩu hít nhưng Đ không cuốn được và để tờ tiền ra mặt bàn dưới ti vi, T1 tiếp tục lấy 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng đưa cho Đ để cuốn thành tẩu hít nhưng Đ không cuốn được, Đ đưa tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho T1 để cuốn tẩu nhưng T1 cũng không cuốn được, T1 đưa lại tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho T thì T cuốn được 01 tẩu hít. T đưa cho T1 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bên trên có chứa ma túy và tẩu hít được cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng, T1 cầm ma túy và tẩu hít đưa cho N sử dụng ma túy trước, sau đó đến Đ, T1 và T lần lượt sử dụng ma túy. T1 mở ti vi và bật nhạc mạnh để cả nhóm nghe trong lúc sử dụng ma túy cho hưng phấn. Sau khi sử dụng ma túy xong, T để tờ tiền chứa ma túy cùng tẩu hít lên mặt bàn dưới ti vi. Một lúc sau, Đ rủ T xuống phòng 202 để nghỉ và tiếp tục sử dụng ma túy. T cầm túi ma túy trên bàn đổ một phần ma túy ra tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và lấy bật lửa để " xào " số ma túy trên tờ tiền và đưa lại cho T1 để ở đầu giường, còn T cầm theo tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, bật lửa và túi ni lông chứa phần ma túy còn lại đi xuống phòng 202. Tại phòng 202, T để tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, bật lửa và túi ma túy tại mặt bàn cạnh cửa sổ phòng. Đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Quốc Oai đến kiểm tra hành chính phòng 202, phát hiện, thu giữ trên mặt bàn cạnh cửa sổ phòng 202: một chiếc bật lửa màu đỏ và 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng, bên trên tờ tiền có 01 túi ni lông kích thước (3x3)

cm chứa tinh thể màu trắng. T khai nhận túi ni lông chứa tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp Ketamine của T cầm từ phòng 402 mang xuống phòng 202 để sử dụng. Tổ công tác Công an huyện Quốc Oai tiếp tục kiểm tra phòng 402, phát hiện có Công an kiểm tra nên N cầm tờ tiền mệnh giá 1000 đồng bên trên có ma túy và tẩu hít được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đang để dưới sàn nhà vứt vào bồn vệ sinh, xả nước nên Công an không thu giữ được 02 tờ tiền 1000 đồng và 10.000 đồng; Cơ quan Công an đã phát hiện và thu giữ số tinh thể màu trắng rơi vãi tại ngăn thứ 3 từ dưới lên tại tủ để quần áo của phòng 402, đối diện cửa ra vào và số tinh thể màu trắng rơi vãi tại vị trí mặt sàn và trên đệm giường phía bên trái cửa ra vào.

Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ của Nguyễn Phú Đ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0969.451.xxx; số tiền 780.000 đồng; thu giữ của Lý Thị T 01 chiếc điện thoại Iphone màu xám đen, bên trong lắp 01 sim số 0969.497.xxx; thu giữ của Nguyễn Tiến N 01 chiếc điện thoại Iphone màu đỏ đen, vỡ màn hình, bên trong lắp 01 sim số 0968.531.xxx; số tiền 200.000 đồng; thu giữ của Lò Thị T1 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số 0376.121.xxx và số tiền 220.000 đồng; 01 Bật lửa ga màu đỏ cũ.

Ngày 23/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội (PC09) có bản Kết luận giám định số 7050 và 7051/KL-KTHS, kết luận: *Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,207 gam; Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói giấy màu trắng (ký hiệu M1) là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,002gam; Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói giấy màu trắng (ký hiệu M2) là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,011gam.*

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSQO ngày 05/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lò Thị T1, Lý Thị T về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ, Lò Thị T1 và Lý Thị T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Tiến N từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

Nguyễn Phú Đ từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Lò Thị T1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Lý Thị T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù

Về hình phạt bổ sung không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng: Đề nghị Tịch thu tiêu hủy hai phong bì có niêm phong, 01 bật lửa ga; tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 4 điện thoại và số tiền thu của các bị cáo;

Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nam, Đ không có tranh luận với bản luận tội của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai;

Người bào chữa cho bị cáo Lý Thị T trình bày về tội danh VKS truy tố là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, khi phạm tội mới hơn 17 tuổi, là người chưa thành niên, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện, bị cáo là người dân tộc tiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế; có hoàn cảnh gia đình éo le, kinh tế khó khăn để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức đề xuất của Đ diện viện kiểm sát để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T nhất trí lời bào chữa của Trợ giúp viên, không có bổ sung gì.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị T1 trình bày về tội danh VKS truy tố là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội với vai trò ít nghiêm trọng, ít tích cực, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là hộ nghèo, có con còn rất nhỏ, thường xuyên ốm đau để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T1 nhất trí lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án:

-Bị cáo N, Đ, T1, T rất ân hận cho hành vi phạm tội của mình, có lời xin lỗi với người thân trong gia đình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt các cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T, bị cáo T1 không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo thì thấy: Khoảng 04 giờ sáng ngày 16/10/2023, sau khi uống rượu, Nguyễn Tiến N rủ Nguyễn Phú Đ tìm xem có chỗ nào có ma túy về để sử dụng. Sau đó, Đ liên lạc qua ứng dụng Facebook Messenger rủ Lý Thị T đến nhà nghỉ A tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q để sử dụng ma túy. T đồng ý. Đ nhắn tin bảo T mua "nửa chỉ" ma túy và rủ thêm Lò Thị T1 cùng sử dụng ma túy. T liên lạc với đối tượng tên T2, trú tại Tòa G, khu đô thị V ở phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Sau đó, T và T1 cùng đi lấy ma túy ở khu vực đường L, thuộc Khu đô thị N, xã A, huyện H, Hà Nội, T trực tiếp gặp T2 mua được một túi ma túy Ketamine với giá 1.700.000 đồng rồi gửi số tài khoản của T2 cho Đ, N trả tiền ma túy. Cả nhóm thỏa thuận đến Nhà nghỉ B sử dụng ma túy nên T1 và T đi taxi đón Đ và N đến thuê phòng tại Nhà nghỉ B tại tại TDP D, thị trấn Q, Đ làm thủ tục thuê phòng 402 và 202 để cả bọn sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 05 giờ ngày 16/10/2023, tại phòng 402, Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ, Lò Thị T1, Lý Thị T cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: T lấy túi ma túy từ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc ra đưa cho Đ, Đ để ma túy lên giường. Đ bảo N đưa tiền lẻ cho T để " xào ke ". N đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng. T đổ một phần ma túy ra tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, đồng thời lấy bật lửa hơ nóng tờ tiền bên trên có ma túy, dùng đáy bật lửa nghiền nát ma túy. Đ tiếp tục nói " Ai còn tờ tiền lẻ nào không để cuốn tẩu ? " thì T1 đưa cho Đ tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để cuốn tẩu hít nhưng Đ không cuốn được; T1 tiếp tục lấy 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng đưa cho Đ để cuốn tẩu hít nhưng Đ không cuốn được, Đ đưa lại tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho T1 để cuốn tẩu nhưng T1 cũng không cuốn được, T1 đưa tờ tiền đưa cho T thì T cuốn được 01 chiếc tẩu hít. T đưa cho T1 tờ tiền 1.000 đồng bên trên có ma túy và tẩu hít, T1 cầm ma túy và tẩu đưa cho Nam sử dụng ma túy trước, sau đó đến Đ, T1 và T lần lượt sử dụng ma túy. T1 bật nhạc mạnh từ ti vi để cả bọn nghe trong lúc sử dụng ma túy cho hưng phấn. Sau khi sử dụng ma túy xong, N rủ T xuống phòng 202. T cầm theo tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 01 chiếc bật lửa và túi ni lông chứa phần ma túy còn lại đi xuống phòng 202 để tại mặt bàn cạnh cửa sổ phòng. Đến khoảng 6 giờ 15 phút cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Quốc Oai kiểm tra hành chính Phòng 202 và 402 Nhà nghỉ B, phát hiện các đối tượng đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng vật chứng.

Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ đã phạm tôi: *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý* với tình tiết *"đối với hai người trở lên" và "đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi";* theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Lý Thị T, Lò Thị T1 đã phạm tội: *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý* với tình tiết *"đối với hai người trở lên"* theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 03/CT-VKSQO ngày 05/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ, Lò Thị T1 và Lý Thị T là đúng ng- ời, đúng tội và không oan.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là loại tội phạm gây tác hại nhiều mặt cho xã hội, làm lây lan căn bệnh HIV, ảnh hưởng đến kinh tế của nhiều gia đình; gây

ra các tội phạm khác nên cần thiết phải xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo để có một hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Đứng đầu vụ án là bị cáo Nguyễn Tiến N là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội, là người trực tiếp bỏ tiền mua ma túy và tiền thuê phòng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiếp theo bị cáo Nam là bị cáo Nguyễn Phú Đ, sau khi bị cáo N rủ rê lôi kéo là tiếp nhận ngay ý chí, là người gọi điện nhờ Lý Thị T để mua ma túy, và là người thuê phòng để các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Lý Thị T sau khi Đ gọi điện nhờ mua ma túy và tìm người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là đồng ý ngay, sau khi T mua ma túy đem đến cho N và Đ và là người trực tiếp xào ke cho N, Đ, T1 và bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy.

Sau cùng của vụ án là Lò Thị T1, sau khi T rủ đi sử dụng trái phép chất ma túy, T1 là người cung cấp tờ tiền loại Polime mệnh giá 5.000 đồng và tờ 10.000 đồng để làm tẩu hít ma túy, và là người trực tiếp đưa ma túy cho N, Đ, T và bị cáo sử dụng ma túy.

Tuy nhiên khi lượng hình hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, thái độ khia báo, độ tuổi phạm tội, trình độ hiểu biết pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo N, Đ, T, T1 khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo Đ có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng đã được nhà nước tặng thưởng huân huy chương; bị cáo T, T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là người dân tộc tiểu số, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế; Bị cáo Đ, T, T1 với vai trò đồng phạm ít tích cực nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T khi phạm tội ở độ tuổi mới 17 tuổi 10 tháng 25 ngày là người chưa thành niên, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện, do đó áp dụng các Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo còn ít tuổi, không có việc làm ổn định và không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng thu giữ:

-01 phong bì màu trắng được niêm phong. Tại các mép dán mặt sau phong bì có chữ ký của Lý Thị T, cán bộ Công an thị trấn Quốc Oai, giám định viên phòng PC 09 và chữ ký của người giám hộ.

-02 phong bì màu trắng được niem phong. Tại các mép dán mặt sau phong bì có chữ ký của Nguyễn Tiến N và Lò Thị T1, cán bộ Công an thị trấn Quốc Oai, giám định viên phòng PC 09.

- 01 bật lửa ga màu đỏ.

Xét không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 4 chiếc điện thoại di động cũ thu của bị cáo N, Đ, T và T1 mỗi bị cáo 1 chiếc. Xét đây là điện thoại các bị cáo dùng liên lạc rủ nhau phạm tội. Cần tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra số tiền thu giữ 1.205.000 đồng. Trong đó thu giữ của bị cáo Đ 780.000 đồng; Nguyễn Tiến N 200.000 đồng và Lò Thị T1 220.000 đồng và 5.000 đồng thu giữ tại phòng 202. Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm giữ lại 200.000 đồng trong số tiền thu của bị cáo Đ; số tiền 200.000 đồng thu của bị cáo Nam và 200.000 đồng trong số tiền thu của bị cáo T1 để đảm bảo thi hành án phí hình sự; Đối với số tiền còn lại của bị cáo Đ là 580.000 đồng, bị cáo T1 20.000 đồng và 5.000 đồng thu tại phòng 202. Cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với người nam giới bán ma túy cho Lý Thị T tại khu vực cổng chào N thuộc xã A, huyện H vào ngày 16/10/2023, T khai chỉ biết tên T2 (*sinh năm 1998, quê ở huyện T, tỉnh P, hiện tại T2 đang ở tòa nhà G, khu đô thị V ở phường T, quận N, thành phố Hà Nội; đặc điểm nhận dạng: cao khoảng 1m65, dáng người gầy, tóc ngắn màu đen, có hình xăm ở chân trái và sau lưng*), T không biết họ tên đầy đủ của T2, không biết T2 ở căn hộ cụ thể nào. T liên lạc với T2 qua tài khoản Facebook "Mạnh T2", không liên lạc qua điện thoại nên không biết số điện thoại của T2. T2 sử dụng tài khoản số 9349851xxx của Ngân hàng Vietcombank mang tên PHUNG HUU N để nhận tiền mua ma túy. Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của Lý Thị T nhưng không thu giữ được nội dung tin nhắn trao đổi mua bán ma túy giữa T2 với T do sau khi mua ma túy, T đã xóa bỏ nội dung tin nhắn; không tìm được tài khoản Facebook "Mạnh T2" nên không thu thập được ảnh, thông tin nhân thân của T2. Xác minh tại Công an phường T, quận N và Công an xã A, huyện H nhưng không phát hiện đối tượng nào tên T2 có thông tin cá nhân và đặc điểm như mô tả của T. Chủ sử dụng số tài khoản 9349851xxx tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) – tài khoản nhận tiền mua ma túy là anh Phùng Hữu N1 (*sinh ngày 11/12/1999, HKTT: Thôn T, xã P, huyện Bì, thành phố Hà Nội)*. Anh N1 khai: Khoảng đầu năm 2023, N1 có sử dụng thông tin cá nhân cùng số điện thoại 0349851xxx để đăng ký mở tài khoản ngân hàng số 9349851xxx tại Ngân hàng Vietcombank. Đến tháng 4/2023, N1 bán tài khoản ngân hàng trên cùng số điện thoại cho một người nam giới không quen biết được 1.500.000 đồng. N1 không biết và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Lý Thị T và đối tượng tên T2. Cơ quan điều tra đã thu thập ảnh anh Phùng Hữu N1 cho Lý Thị T nhận dạng, kết quả T khẳng định anh Phùng Hữu N1 không phải là đối tượng tên T2 đã bán ma túy cho T tại khu vực cổng chào Khu đô thị N thuộc xã A, huyện H, Hà Nội ngày 16/10/2023. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an huyện Quốc Oai không đủ căn cứ để tiếp tục điều tra xác minh, xử lý đối với đối tượng

bán ma túy cho Lý Thị T. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, xử lý những hành vi mà Cáo trạng quy kết và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đối với Vương Văn L - là người trực tại quầy lễ tân và chị Tạ Thị D - là chủ nhà nghỉ B, kết quả điều tra xác định anh Lâm và chị Dung không biết và không đồng ý cho các bị can sử dụng trái phép chất ma túy tại Nhà nghỉ, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh Lâm và chị Dung có có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhưng căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến N, Nguyễn Phú Đ, Lý Thị T và Lò Thị T1 phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Tiến N 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/ 10/2023.

-Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Phú Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/ 10/2023.

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Lý Thị T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/ 10/2023.

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Lò Thị T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2023.

- **Về vật chứng**: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

-01 phong bì màu trắng được niêm phong. Tại các mép dán mặt sau phong bì có chữ ký của Lý Thị T, cán bộ Công an thị trấn Quốc Oai, giám định viên phòng PC 09 và chữ ký của người giám hộ.

-02 phong bì màu trắng được niêm phong. Tại các mép dán mặt sau phong bì có chữ ký của Nguyễn Tiến N và Lò Thị T1, cán bộ Công an thị trấn Quốc Oai, giám định viên phòng PC 09.

- 01 bật lửa ga màu đỏ.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

-Tịch thu sung công quỹ nhà nước 605.000 (sáu trăm linh năm nghìn) đồng trong số tiền 1.205.000 đồng thu của bị cáo Đ, bị cáo N và bị cáo T1. Số tiền 600.000 đồng còn lại cần:

-Tạm giữ 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) thu của bị cáo Nguyễn Tiến N để đảm bảo thi hành án phí.

-Tạm giữ 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) thu của bị cáo Nguyễn Phú Đ để đảm bảo thi hành án phí.

-Tạm giữ 200.000 đồng (h*ai trăm nghìn đồng*) thu của bị cáo Lò Thị T1 để đảm bảo thi hành án phí.

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 04 điện thoại. Cụ thể:

- 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại, bị vỡ màn hình trước, do điện thoại trong tình trạng không sử dụng được nên không kiểm tra được số imei;

- 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu xám đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại, do điện thoại trong tình trạng không sử dụng được nên không kiểm tra được số imei;

- 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đỏ đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại, bị vỡ màn hình trước, do điện thoại trong tình trạng không sử dụng được nên không kiểm tra được số imei;

- 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng, bên trong lắp 01 sim điện thoại, do điện thoại trong tình trạng không sử dụng được nên không kiểm tra được số imei;

(Hiện vật chứng đang lưu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 28 /2024/THA ngày 19/ 01 /2024 và ủy nhiệm chi lập ngày 18 / 01/2024).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo N, Đ, T và T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo N, Đ, T1 đã được trừ vào số tiền tạm giữ của các bị cáo để thi hành án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo N, Đ, T và T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND TP. Hà Nội;
- Công an huyện Quốc Oai;
-VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Sở tư pháp TP.Hà Nội
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Kiều Văn Thành